

Số: 1462/QĐ-HV

Hà Nội, ngày 21 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu học phí và thu hoạt động đào tạo khác chương trình đào tạo đại học của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông năm học 2026-2027

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Quyết định số 171/QĐ-BKHHCN ngày 03/3/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/05/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 420/QĐ-HV ngày 03/3/2026 của Giám đốc Học viện về việc Thành lập Tổ xây dựng mức thu học phí và thu khác của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Kết luận số 228-KL/ĐU ngày 14/5/2026 của Đảng ủy Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông khóa VII, nhiệm kỳ 2025-2030 tại kỳ họp tháng 05/2026;

Căn cứ Biên bản họp Tổ xây dựng mức thu học phí và thu khác của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông ngày 21/5/2026;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức thu học phí và thu hoạt động đào tạo khác chương trình đào tạo đại học của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông năm học 2026-2027. (Chi tiết tại các phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ năm học 2026-2027.

Điều 3. Phó giám đốc Học viện, phụ trách Cơ sở Học viện tại thành phố Hồ Chí Minh; Chánh văn phòng Học viện, Trưởng các đơn vị: Tài chính-Kế toán, Đào tạo, Giáo vụ, Chính trị và Công tác sinh viên, Kế hoạch-Đầu tư, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trung tâm Đào tạo quốc tế, Khoa Đào tạo Sau đại học, Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông, Viện Kinh tế Bưu điện, Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện, Viện Công nghệ thông tin và Truyền thông CDIT và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ KHCN; Bộ GDĐT (để b/c);
- Ban Giám đốc HV;
- Website Học viện;
- Lưu VT, TCKT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Quang Anh

Phụ lục 1

MỨC THU HỌC PHÍ CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC NĂM HỌC 2026-2027

(Kèm theo Quyết định số 1462/QĐ-HV ngày 21/05/2026 của Giám đốc Học viện Công nghệ
Bưu chính Viễn thông)

TT	HỆ/KHÓA/NGÀNH	ĐVT	MỨC THU	GHI CHÚ
1	2	3	4	5
A	CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH QUY ĐẠI TRÀ			
I	Khóa 2022			
1	Các ngành: Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử, Kỹ thuật Điện tử viễn thông, Công nghệ Đa phương tiện, Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa, Công nghệ Internet vạn vật (IoT), Khoa học máy tính	đồng/tín chỉ	825.000	
II	Khóa 2023			
1	Các ngành: Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử, Kỹ thuật Điện tử viễn thông, Công nghệ Đa phương tiện, Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa, Công nghệ Internet vạn vật (IoT), Khoa học máy tính, Chương trình Kỹ thuật dữ liệu (ngành Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu)	đồng/tín chỉ	950.000	
2	Các ngành: Quản trị kinh doanh, Kế toán, Marketing, Thương mại điện tử, Công nghệ tài chính (Fintech) Ngành Truyền thông đa phương tiện, Báo chí	đồng/tín chỉ	880.000	
III	Khóa 2024			
1	Các ngành: Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử, Kỹ thuật Điện tử viễn thông, Công nghệ Đa phương tiện, Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa, Công nghệ Internet vạn vật (IoT), Khoa học máy tính, Chương trình Kỹ thuật dữ liệu (ngành Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu)	đồng/tín chỉ	1.075.000	
2	Các ngành: Quản trị kinh doanh, Kế toán, Marketing, Thương mại điện tử, Công nghệ tài chính (Fintech), Chương trình quan hệ công chúng (ngành Marketing); Ngành Truyền thông đa phương tiện, Báo chí	đồng/tín chỉ	980.000	
IV	Khóa 2025			
1	Môn Giáo dục quốc phòng	đồng/tín chỉ	880.000	
2	Các ngành: Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử, Kỹ thuật Điện tử viễn thông, Công nghệ Đa phương tiện, Công nghệ Internet vạn vật (IoT), Chương trình Kỹ thuật dữ liệu (Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu), Chương trình Trí tuệ nhân tạo vạn vật (ngành KT ĐTVT), Chương trình Công nghệ vi mạch bán dẫn (ngành CN KT Đ-ĐT)	đồng/tín chỉ	1.095.000	
3	Ngành: Trí tuệ nhân tạo	đồng/tín chỉ	1.220.000	



TT	HỆ/KHÓA/NGÀNH	ĐVT	MỨC THU	GHI CHÚ
1	2	3	4	5
4	Các ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Khoa học máy tính	đồng/tín chỉ	950.000	
5	Các ngành: Chương trình Logistics và quản trị chuỗi cung ứng (ngành QTKD), Kế toán, Marketing, Thương mại điện tử, Công nghệ tài chính (Fintech), Chương trình quan hệ công chúng (ngành Marketing), Ngành Truyền thông đa phương tiện, Báo chí	đồng/tín chỉ	1.015.000	
6	Ngành: Quản trị kinh doanh	đồng/tín chỉ	925.000	
V	Khóa 2026			
1	Môn Giáo dục quốc phòng	đồng/tín chỉ	880.000	
2	Các ngành: Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử, Kỹ thuật Điện tử viễn thông, Công nghệ Đa phương tiện, Công nghệ Internet vạn vật (IoT), Chương trình Kỹ thuật dữ liệu (Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu), Chương trình Trí tuệ nhân tạo vạn vật (ngành KT ĐTVT), Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Khoa học máy tính, Chương trình Công nghệ vi mạch bán dẫn (ngành CN KT Đ-ĐT)	đồng/tín chỉ	1.100.000	
3	Ngành: Trí tuệ nhân tạo	đồng/tín chỉ	1.240.000	
4	Các ngành: Chương trình Logistics và quản trị chuỗi cung ứng (ngành QTKD), Kế toán, Marketing, Thương mại điện tử, Công nghệ tài chính (Fintech), Chương trình quan hệ công chúng (ngành Marketing), Quản trị kinh doanh, Ngành Truyền thông đa phương tiện, Báo chí	đồng/tín chỉ	1.030.000	
VI	Đào tạo song bằng - ngành học thứ 2	mức thu học phí bằng 75% mức thu học phí của hệ đại học chính quy tương ứng		
B	CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO			
I	Khóa 2022			
1	Ngành Công nghệ thông tin	đồng/tín chỉ	1.350.000	
II	Khóa 2023			
1	Ngành Công nghệ thông tin	đồng/tín chỉ	1.410.000	
2	Ngành Marketing	đồng/tín chỉ	1.310.000	
III	Khóa 2024			
1	Ngành Công nghệ thông tin	đồng/tín chỉ	1.520.000	
2	Ngành: Marketing; Kế toán	đồng/tín chỉ	1.400.000	
IV	Khóa 2025			
1	Môn Giáo dục quốc phòng	đồng/tín chỉ	880.000	
2	Ngành Công nghệ thông tin	đồng/tín chỉ	1.570.000	

TT	HỆ/KHÓA/NGÀNH	ĐVT	MỨC THU	GHI CHÚ
1	2	3	4	5
3	Ngành: Marketing; Kế toán	đồng/tín chỉ	1.440.000	
4	Ngành: An toàn thông tin; Truyền thông đa phương tiện	đồng/tín chỉ	1.350.000	
VI	Khóa 2026			
1	Môn Giáo dục quốc phòng	đồng/tín chỉ	880.000	
2	Ngành Công nghệ thông tin	đồng/tín chỉ	1.590.000	
3	Ngành: Marketing; Kế toán	đồng/tín chỉ	1.460.000	
4	Ngành: An toàn thông tin; Truyền thông đa phương tiện	đồng/tín chỉ	1.360.000	
C	CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN, ĐẶC THÙ			
I	Khóa 2023, 2024			
1	Chương trình Cử nhân ngành công nghệ thông tin (định hướng ứng dụng); Chương trình Công nghệ thông tin Việt - Nhật (ngành Công nghệ thông tin); Chương trình Thiết kế và phát triển Game (ngành Công nghệ đa phương tiện)	đồng/tín chỉ	1.150.000	
II	Khóa 2025			
1	Môn Giáo dục quốc phòng	đồng/tín chỉ	880.000	
2	Chương trình Cử nhân ngành công nghệ thông tin (định hướng ứng dụng); Chương trình Công nghệ thông tin Việt - Nhật (ngành Công nghệ thông tin); Chương trình Thiết kế và phát triển Game (ngành Công nghệ đa phương tiện)	đồng/tín chỉ	1.220.000	
III	Khóa 2026			
1	Môn Giáo dục quốc phòng	đồng/tín chỉ	880.000	
2	Chương trình Cử nhân ngành công nghệ thông tin (định hướng ứng dụng); Chương trình Công nghệ thông tin Việt - Nhật (ngành Công nghệ thông tin); Chương trình Thiết kế và phát triển Game (ngành Công nghệ đa phương tiện)	đồng/tín chỉ	1.240.000	
D	HỆ TỪ XA			
1	Khóa 2024 trở về trước			
-	Khối ngành kỹ thuật	đồng/tín chỉ	450.000	
-	Khối ngành kinh tế	đồng/tín chỉ	420.000	
2	Khóa 2025, 2026			
-	Khối ngành kỹ thuật	đồng/tín chỉ	530.000	
-	Khối ngành kinh tế	đồng/tín chỉ	510.000	
E	HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC			
1	Khóa 2022			
-	Ngành Kỹ thuật	đồng/tín chỉ	825.000	

TT	HỆ/KHÓA/NGÀNH	ĐVT	MỨC THU	GHI CHÚ
1	2	3	4	5
-	Ngành Kinh tế	đồng/tín chỉ	760.000	
2	Khóa 2023			
-	Ngành Kỹ thuật	đồng/tín chỉ	920.000	
-	Ngành Kinh tế	đồng/tín chỉ	850.000	
3	Khóa 2024			
-	Ngành Kỹ thuật	đồng/tín chỉ	1.010.000	
-	Ngành Kinh tế	đồng/tín chỉ	920.000	
4	Khóa 2025, 2026			
-	Môn Giáo dục quốc phòng	đồng/tín chỉ	880.000	
-	Ngành Kỹ thuật	đồng/tín chỉ	1.020.000	
-	Ngành Kinh tế	đồng/tín chỉ	945.000	
F	CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT QUỐC TẾ (<i>Đại học La Trobe - Úc, Đại học Canberra - Úc, Đại học Huddersfield - Vương quốc Anh</i>)			
1	Môn Giáo dục quốc phòng	đồng/tín chỉ	880.000	
2	Khóa 2024 trở về trước	đồng/tín chỉ	1.500.000	
3	Khóa 2025	đồng/tín chỉ	1.600.000	
4	Khóa 2026	đồng/tín chỉ	1.620.000	
G	CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT TỪ XA (<i>Đại học Seoul Syber - Hàn Quốc</i>)	đồng/tín chỉ	800.000	
H	SINH VIÊN QUỐC TẾ ĐIỆN TỰ TỨC (<i>Mức thu chưa bao gồm chi phí sinh hoạt, chi phí ở, chi phí đi lại và chi khác</i>)	đồng/tháng	3.350.000	

Ghi chú:

1. Đối với các hệ đại học chính quy, đào tạo từ xa, vừa làm vừa học: sinh viên chưa hoàn thành chương trình đào tạo theo kế hoạch đào tạo chuẩn thì sẽ áp dụng mức thu học lại đối với các môn học còn nợ (bao gồm môn học lần đầu và môn đăng ký học lại).

2. Mức thu trên cũng được áp dụng trong điều kiện giảng dạy trực tuyến (online). *MY*

Phụ lục 2

**MỨC THU HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO KHÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC
NĂM HỌC 2026-2027**

(Kèm theo Quyết định số 1462 /QĐ-HV ngày 21 /05/2026 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bru chính Viễn thông)

TT	HỆ/KHÓA/NGÀNH	ĐVT	MỨC THU	GHI CHÚ
1	2	3	4	5
I	ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐẠI TRÀ; SONG BÀNG - NGÀNH HỌC THỨ 2; CHẤT LƯỢNG CAO; CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN ĐẶC THÙ; SINH VIÊN QUỐC TẾ ĐIỆN TỬ TỨC KINH PHÍ			
1	Học lại lớp ghép			
1.1	Môn Giáo dục quốc phòng	đồng/tín chỉ	880.000	
1.2	Ngành kinh tế; Báo chí; Truyền thông Đa phương tiện (lớp đại trà)	đồng/tín chỉ	1.030.000	
1.3	Ngành kỹ thuật; Công nghệ Đa phương tiện (lớp đại trà)	đồng/tín chỉ	1.100.000	
1.4	Ngành: Trí tuệ nhân tạo	đồng/tín chỉ	1.240.000	
1.5	Lớp chất lượng cao công nghệ thông tin (học cùng lớp chất lượng cao)	đồng/tín chỉ	1.590.000	
1.6	Lớp chất lượng cao Marketing; Kế toán ACCA (học cùng lớp chất lượng cao)	đồng/tín chỉ	1.460.000	
1.7	Lớp chất lượng cao An toàn thông tin; Truyền thông Đa phương tiện (học cùng lớp chất lượng cao)	đồng/tín chỉ	1.360.000	
1.8	Lớp cử nhân công nghệ thông tin (định hướng ứng dụng); Chương trình công nghệ thông tin Việt - Nhật; Chương trình Thiết kế và chế tạo game	đồng/tín chỉ	1.240.000	
2	Học lại lớp riêng			
2.1	Môn Giáo dục quốc phòng	đồng/tín chỉ	880.000	- Trường hợp số sinh viên/lớp không đạt 30 SV/lớp thì mức thu được điều chỉnh như sau: - Bằng 1,1 lần mức thu nếu lớp học có từ 20 đến 30 SV/lớp; - Bằng 1,3 lần mức thu nếu lớp học có từ 10 đến 20 SV/lớp; - Bằng 1,5 lần mức thu nếu lớp học có ít hơn 10 SV/lớp;
2.2	Ngành kinh tế; Báo chí; Truyền thông Đa phương tiện (lớp đại trà)	đồng/tín chỉ	1.130.000	
2.3	Ngành kỹ thuật; Công nghệ Đa phương tiện (lớp đại trà)	đồng/tín chỉ	1.220.000	
2.4	Ngành: Trí tuệ nhân tạo	đồng/tín chỉ	1.240.000	
2.5	Lớp chất lượng cao công nghệ thông tin (học cùng lớp chất lượng cao)	đồng/tín chỉ	1.750.000	

TT	HỆ/KHÓA/NGÀNH	ĐVT	MỨC THU	GHI CHÚ
1	2	3	4	5
2.6	Lớp chất lượng cao Marketing; Kế toán ACCA (học cùng lớp chất lượng cao)	đồng/tín chỉ	1.600.000	
2.7	Lớp chất lượng cao An toàn thông tin; Truyền thông Đa phương tiện (học cùng lớp chất lượng cao)	đồng/tín chỉ	1.415.000	
2.8	Lớp cử nhân công nghệ thông tin (định hướng ứng dụng); Chương trình công nghệ thông tin Việt - Nhật; Chương trình Thiết kế và chế tạo game	đồng/tín chỉ	1.350.000	
3	Các trường hợp học lại khác			
3.1	Đối với lưu học sinh quốc tế diện Hiệp định	Mức thu bằng 50% mức thu học lại của ngành đào tạo tương ứng		
3.2	Đối với học sinh quốc tế diện tự túc kinh phí	Mức thu bằng mức thu của sinh viên Việt Nam		
3.3	Đối với sinh viên lớp chất lượng cao học cùng lớp đại trà	Mức thu bằng mức thu học lại lớp ghép của lớp đại trà theo ngành đào tạo tương ứng		
4	Thi lại hết môn	đồng/môn	55.000	
5	Phúc khảo điểm thi hết môn	đồng/môn	35.000	
6	Phúc khảo điểm thi tốt nghiệp	đồng/môn	55.000	
7	Nhập học	đồng/sinh viên	500.000	
8	Thi môn Tiếng Anh theo chuẩn đầu vào và đầu ra	đồng/sinh viên	340.000	
9	Phúc khảo thi Tiếng Anh đầu vào/đầu ra	đồng/môn	55.000	
10	Thi môn Tiếng Anh đối với sinh viên được miễn học nhưng không miễn thi	đồng/sinh viên	200.000	
11	Thi môn học khác sinh viên được miễn học không miễn thi	đồng/sinh viên	55.000	
12	Xét, quản lý học phần được chuyển đổi điểm	đồng/học phần	100.000	
13	Xét, quản lý chuẩn đầu ra đối với sinh viên dùng chứng chỉ	đồng/lần xét	100.000	
14	Xét, quản lý học phần miễn học	Bằng 50% mức thu học phí của học phần tương ứng		

TT	HỆ/KHÓA/NGÀNH	ĐVT	MỨC THU	GHI CHÚ
1	2	3	4	5
15	Xét, quản lý học phần được miễn học - miễn thi	Bằng 30% mức thu học phí của học phần tương ứng		
II	ĐẠI HỌC HỆ TỪ XA			
1	Học lại lớp ghép			
1.1	Ngành kỹ thuật	đồng/tín chỉ	530.000	
1.2	Ngành kinh tế	đồng/tín chỉ	510.000	
2	Học lại lớp riêng			
2.1	Ngành kỹ thuật	đồng/tín chỉ	635.000	- Trường hợp số sinh viên/lớp không đạt 30 SV/lớp thì mức thu được điều chỉnh như sau: - Bằng 1,1 lần mức thu nếu lớp học có từ 20 đến 30 SV/lớp; - Bằng 1,3 lần mức thu nếu lớp học có từ 10 đến 20 SV/lớp; - Bằng 1,5 lần mức thu nếu lớp học có ít hơn 10 SV/lớp;
2.2	Ngành kinh tế	đồng/tín chỉ	610.000	
3	Thi lại hết môn	đồng/môn	60.000	
4	Thi lại tốt nghiệp	đồng/môn	240.000	
5	Phúc khảo điểm thi hết môn	đồng/môn	35.000	
6	Phúc khảo điểm thi tốt nghiệp	đồng/môn	55.000	
7	Thi cải thiện điểm	đồng/môn	85.000	
8	Xét tuyển	đồng/thí sinh	30.000	
9	Nhập học	đồng/sinh viên	500.000	
10	Thi môn Tiếng Anh theo chuẩn đầu vào và đầu ra	đồng/sinh viên	340.000	
11	Xét, quản lý học phần được chuyển đổi điểm	đồng/học phần	100.000	
12	Xét, quản lý chuẩn đầu ra đối với sinh viên dùng chứng chỉ	đồng/lần xét	100.000	
13	Xét, quản lý học phần miễn học	Bằng 50% mức thu học phí của học phần tương ứng		
14	Xét, quản lý học phần được miễn học - miễn thi	Bằng 30% mức thu học phí của học phần tương ứng		
III	ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC			
1	Học lại lớp ghép			
1.1	Môn Giáo dục quốc phòng	đồng/tín chỉ	880.000	

TT	HỆ/KHÓA/NGÀNH	ĐVT	MỨC THU	GHI CHÚ
1	2	3	4	5
1.2	Ngành kỹ thuật	đồng/tín chỉ	1.020.000	
1.3	Ngành kinh tế	đồng/tín chỉ	945.000	
2	Học lại lớp riêng			
2.1	Ngành kỹ thuật	đồng/tín chỉ	1.140.000	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp số sinh viên/lớp không đạt 25 SV/lớp thì mức thu được điều chỉnh như sau: - Bằng 1,1 lần mức thu nếu lớp học có từ 15 đến 25 SV/lớp; - Bằng 1,3 lần mức thu nếu lớp học có từ 10 đến 15 SV/lớp; - Bằng 1,5 lần mức thu nếu lớp học có ít hơn 10 SV/lớp;
2.2	Ngành kinh tế	đồng/tín chỉ	1.090.000	
3	Thi lại hết môn	đồng/môn	80.000	
4	Thi lại tốt nghiệp	đồng/môn	240.000	
5	Phúc khảo điểm thi hết môn	đồng/môn	35.000	
6	Phúc khảo điểm thi tốt nghiệp	đồng/môn	55.000	
7	Xét tuyển	đồng/thí sinh	30.000	
8	Nhập học	đồng/sinh viên	500.000	
9	Thi môn Tiếng Anh theo chuẩn đầu vào và đầu ra	đồng/sinh viên	340.000	
10	Xét, quản lý học phần được chuyển đổi điểm	đồng/học phần	100.000	
11	Xét, quản lý chuẩn đầu ra đối với sinh viên dùng chứng chỉ	đồng/lần xét	100.000	
12	Xét, quản lý học phần miễn học	Bằng 50% mức thu học phí của học phần tương ứng		
13	Xét, quản lý học phần được miễn học - miễn thi	Bằng 30% mức thu học phí của học phần tương ứng		
IV	CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT QUỐC TẾ			
1	Học lại lớp ghép			
1.1	Học lại cùng lớp đại trà/CLC	Áp dụng mức thu tại Mục I.1 Phụ lục này		
1.2	Học lại cùng lớp liên kết quốc tế	đồng/tín chỉ	1.620.000	
1.3	Học lại môn Giáo dục quốc phòng	đồng/tín chỉ	880.000	

TT	HỆ/KHÓA/NGÀNH	ĐVT	MỨC THU	GHI CHÚ
1	2	3	4	5
2	Học lại lớp riêng	đồng/tín chỉ	1.800.000	- Trường hợp số sinh viên/lớp không đạt 20 SV/lớp thì mức thu được điều chỉnh như sau: - Bằng 1,2 lần mức thu nếu lớp học có từ 10 đến 20 SV/lớp; - Bằng 1,5 lần mức thu nếu lớp học có ít hơn 10 SV/lớp;
3	Xét tuyển	đồng/thí sinh	300.000	
4	Nhập học	đồng/sinh viên	500.000	
V	CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT QUỐC TẾ TỪ XA			<i>(Trường Đại học Seoul Cyber, Hàn Quốc)</i>
1	Học lại lớp ghép	đồng/tín chỉ	800.000	
2	Học lại lớp riêng	đồng/tín chỉ	900.000	- Trường hợp lớp học tổ chức riêng nhưng số sinh viên/lớp không đạt 20 SV/lớp thì mức thu được điều chỉnh như sau: - Bằng 1,2 lần mức thu nếu lớp học có từ 10- đến 20 SV/lớp; - Bằng 1,5 lần mức thu nếu lớp học có ít hơn 10 SV/lớp;
3	Xét tuyển	đồng/thí sinh	100.000	
VI	HOẠT ĐỘNG TRAO ĐỔI SINH VIÊN			
-	Thu quản lý hành chính chương trình trao đổi sinh viên	đồng/kỳ	10.000.000	

Ghi chú:

- Mức thu trên cũng được áp dụng trong điều kiện giảng dạy trực tuyến (online). *M*